

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm 2022 và Quản lý tài sản công của (đơn vị dự toán ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công và Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151;

Căn Cứ Quyết định số 2322/QĐ-SGDDĐT-KHTC ngày 27 tháng 12 năm 2021, Quyết định số 1794/QĐ-SGDDĐT-KHTC ngày 18/7/2022, QĐ số 2277/ QĐ-SGDDĐT-KHTC ngày 14/9/2022 và số 2608/QĐ-SGDDĐT-KHTC ngày 24/10/2022, Quyết định số 2754/QĐ-SGDDĐT-KHTC ngày 14/11/2022, QĐ số 2949/ QĐ-SGDDĐT-KHTC ngày 5/12/2022 của Sở Giáo dục và đào tạo TP.Hồ Chí Minh về việc giáo dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách kế toán đơn vị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm 2022 của trường THPT An Nghĩa theo biểu 02, 03, 04 ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của TT số 61/2017/TT-BTC và mẫu biểu số 09a, 09b, 09c, 09d, 09đ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017. Các mẫu biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, phòng Tài chính (Kế hoạch Tài chính) và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Huỳnh Bảo Quốc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT An Nghĩa

Mã đơn vị: 1104035

Loại hình đơn vị: Tự chủ tài chính một phần

Mẫu số 09a-CK/TSC

Ban hành kèm Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài

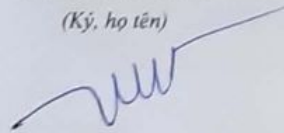
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm		Không có										
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
II	Tài sản giao mới		Không có										
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
	...												
2	Xe ô tô												
	...												
3	Tài sản cố định khác												
	...												

III	Tài sản đi thuê		Không có										
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)		Không có										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Bảo Quốc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo

Ban hành kèm Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính)

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT An Nghĩa

Mã đơn vị: 1104035

Loại hình đơn vị: Tự chủ tài chính một phần

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Đơn vị tính : 1000 đồng

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Trường THPT An Nghĩa	19305,4	13.513.780	10826,7			315,6		8163,1	2020	10826,7	52.845.000										
	Tổng cộng:																					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Bảo Quốc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT An Nghĩa

Mã đơn vị: 1104035

Loại hình đơn vị: Tự chủ tài chính một phần

Mẫu số 09c-CK/TSC

(Ban hành kèm Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính)

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2022**

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Xe ô tô												
I	Xe 1	Không có											
II	Tài sản cố định khác												

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT An Nghĩa

Mã đơn vị: 1104035

Loại hình đơn vị: Tự chủ tài chính một phần

Mẫu số 09d-CK/TSC

Ban hành kèm Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính)

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

NAM 2022

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất	Không														
1	Địa chỉ...															
II	Nhà	Không														
1	Địa chỉ...															
	Nhà 1															
2	Địa chỉ...															
III	Xe ô tô	Không														
1	Xe 1															
IV	Tài sản cố định khác	Không														

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Bảo Quốc

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT An Nghĩa

Mã đơn vị: 1104035

Loại hình đơn vị: Tự chủ tài chính một phần

Mẫu số 09d-CK/TSC

(Ban hành kèm Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính)

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2022**

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ đến...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đôi tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ... đến...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Nhà, đất															
	Cơ sở nhà, đất tại cơ sở chính															
II	Xe ô tô	Không có														
	Xe 1															
III	Tài sản cố định khác	Không có														
	...															

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)



Nguyễn Bảo Quốc

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT An Nghĩa
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15141	4708	100%	50.2%
I	Nguồn ngân sách trong nước	15141	4708	100%	50.2%
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

SA Mimosa NET 2019

1

Đơn vị: Trường THPT An Nghĩa
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15141	4708	100%	78.2%
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8385	3456	100%	50,2%
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6756	1252	100%	28%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

MISA Mimosa.NET 2019

2

Đơn vị: Trường THPT Bình Khánh

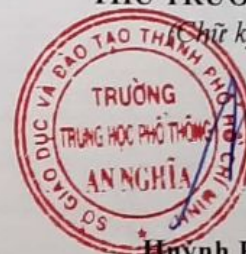
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chỉ quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Huyền Bảo Quốc

3

Đơn vị: Trường THPT An Nghĩa

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-~~PH~~ ngày 31/12/20 của)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2357	2357	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	15141	15141	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	15141	15141	0
1	Chi quản lý hành chính			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15141	15141	0
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8385	8385	0
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6756	6756	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-PA ngày 12/12/2022 của)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	2357	2357			
1	Số thu phí, lệ phí					
11	Lệ phí					
12	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	97	97			
3	Thu sự nghiệp khác	2260	2260			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2357	2357	1331	55	810
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
11	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
12	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	97	97		55	42
3	Hoạt động sự nghiệp khác	2260	2260	1331		768
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
11	Lệ phí					
12	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	15141	15141	10629		2408
1	Chi quản lý hành chính					
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	15141	15141	10629		2408

Đơn vị: Trường THPT An Nghĩa
Chương: 422

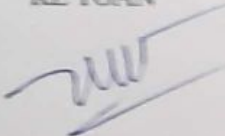
STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8385	8385	5937		2408
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6756	6756	4692		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
111	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
112	Chi Chương trình mục tiêu					

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị : Trường THPT An Nghĩa

STT	NỘI DUNG	TỔNG ĐỀU NĂM	THU	CHI	Thiếu hụt chuyển năm sau	Kinh phí hợp
A	B	1	2	3	4=1-2-3	5=3-2-3
I	Cứ thường xuyên	165.988.066	8.707.522.000	8.365.388.822	488.171.244	
1	Nguồn 13	-	8.401.970.000	8.365.388.822	16.581.178	
2	Nguồn 14	165.988.066	315.552.000	-	471.540.066	
II	Cứ không thường xuyên	1.705.085.133	5.625.738.000	6.756.069.140	240.800.978	344.053.004
	Nguồn 12		2.447.800.000	2.103.746.986	-	344.053.004
	Phụ cấp TNNG		583.863.000	476.082.336		107.780.664
	Kinh phí vùng sâu		504.000.000	490.250.000		13.750.000
	Hỗ trợ NV y tế		5.400.000	5.400.000		-
	Phụ cấp ưu đãi người khuyết tật		70.505.000	53.280.150		17.224.850
	Kinh phí sinh hoạt hè		46.342.000	35.498.000		10.844.000
	Kinh phí hỗ trợ NQ 17		376.750.000	376.750.000		-
	Kinh phí miễn giảm học phí buổi hai		293.930.000	202.835.500		91.094.500
	Kinh phí miễn giảm hỗ trợ học phí		567.000.000	463.650.000		103.350.000
2	Nguồn 15 (NQ29)		487.500.000	487.500.000	-	-
3	Nguồn 14 (NQ13)	1.705.085.133	2.700.438.000	4.164.822.155	240.800.978	
	TỔNG CỘNG	1.871.173.199	14.343.260.000	15.141.457.963	728.922.222	344.053.004

KẾ TOÁN


Nguyễn Thị Thanh Quyên

Ngày tháng 12 năm 2022
HIỆP TRƯỞNG

Nguyễn Bảo Quốc

CÔNG KHAI NGUỒN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Đơn vị : Trường THPT An Nghĩa

STT	Nội dung sổ quỹ	Tồn năm 2021 mang sang	Thu	Chi	Tồn cuối năm 2022
1	Học phí 40% CCTL	160.135.713	413.860.000	60.950.760	513.044.953
	Học phí 60%	91.500.968	620.790.000	712.290.968	-
2	Học phí buổi hai		1.225.983.500	1.225.983.500	-
3	Thu dịch vụ (Căn tin , kiosk , giữ xe)		97.108.250	97.108.250	-
4	Thu hộ chi hộ :	57.828.477	1.005.188.000	896.769.167	166.247.310
	- Ăn phẩm (hồ sơ học sinh)		252.240.000	178.668.330	73.571.670
	-Nước uống học sinh		91.580.000	13.710.000	77.870.000
	-QL phí xe buýt	2.787.225	10.992.000	13.779.225	-
	-Quỹ ôn tập thi nghề	49.454.212	57.348.000	106.802.212	-
	- Ôn thi TN THPT	5.587.040	593.028.000	583.809.400	14.805.640
5	CB-GV-CNV đóng góp (quỹ khuyến học)	16.943.000	6.000.000	1.200.000	21.743.000
Tổng cộng		326.408.158	3.368.929.750	2.994.302.645	701.035.263

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Bảy trăm lẻ một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi ba đồng chẵn.

Kê toán

Nguyễn Thị Thanh Quyên

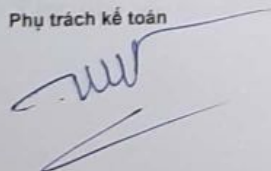


CÔNG KHAI PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỔ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

STT	NỘI DUNG	Tồn năm trước	Số thu năm 2022	Chi trong năm 2022	Kinh phí chuyển sang năm sau	Trích CCTL 2022	Số tiết kiệm được trích	Phân bổ tiết kiệm (chênh lệch)				
								Tổng số	Trong đó phân bổ cho			
									Chi tăng thu nhập (75%)	Lập quỹ phát triển sự nghiệp (10%)	Lập quỹ Phúc lợi (10%)	Lập quỹ khen thưởng (5%)
	A	1	2	3	4	5	6=1+2-3-4-5	7=8+9+10+11	8	9	10	11
I	Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)		8.401.970.000	6.336.579.446	16.581.178		2.048.809.376	2.048.809.376	1.434.166.000	204.881.000	307.321.000	102.441.376
II	Học phí công lập	91.500.968	1.034.650.000	357.662.386		413.860.000	354.628.582	354.628.582	248.240.000	35.462.000	53.194.000	17.732.582
III	Dịch vụ (căn tin - kiosk, bãi xe)		97.108.250	55.095.824		16.438.986	25.573.440	25.573.440		25.573.440		
	TỔNG CỘNG		9.436.620.000	6.694.241.832	16.581.178		2.403.437.958	2.403.437.958	1.682.406.000	265.916.440	360.515.000	120.173.958

Cần Giờ, ngày 31. tháng 12... năm 2022

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thanh Quyên



Huỳnh Bảo Quốc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT AN NGHĨA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC QUỸ TRÍCH LẬP NĂM 2022

STT	Nội dung sổ quỹ	Tồn năm 2021	Thu	Chi	Tồn cuối năm 2022
1	QUỸ PHÚC LỢI	166.647.915	360.515.000	156.100.000	371.062.915
2	QUỸ KHEN THƯỞNG	111.454.248	120.173.958	96.210.000	135.418.206
3	QUỸ SỰ NGHIỆP	196.659.075	240.343.000	116.163.300	320.838.775
4	QUỸ KHÁC (BHHH, NS HUYỆN HỖ TRỢ ...)	34.535.485	88.936.987	82.148.957	41.323.515
Tổng cộng		509.296.723	809.968.945	450.622.257	868.643.411

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm mười một đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kê toán

Nguyễn Thị Thanh Quyên



Đơn vị: TRƯỜNG THPT AN NGHĨA
Bộ phận: TÀI VỤ
Mã đơn vị SDNS: 1090000

Mẫu số 08a - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ)

Số: 12/2022

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chúng tôi gồm:

- Ông: Huỳnh Bảo Quốc - Hiệu trưởng
 - Bà: Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kế toán
 - Bà: Lê Thị Ngọc Hòa - Thủ quỹ
 - Ông: Nguyễn Đình Định - Đại diện Ban TTND
- Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (Tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	X	3.147.750
II	Số kiểm kê thực tế:	X	3.148.000
	Trong đó:		
1	- Loại 500,000		-
2	- Loại 200,000	10	2.000.000
3	- Loại 100,000	10	1.000.000
4	- Loại 50,000	2	100.000
5	- Loại 20,000	2	40.000
6	- Loại 10,000		-
7	- Loại 5,000	1	5.000
8	- Loại 2,000	1	2.000
9	- Loại 1,000	1	1.000
10	- Loại 500		-
11	- Loại 200		
III	Chênh lệch: (III = I - II)	X	(250)

- Lý do: + Thừa: 250 đồng
+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Số tiền mặt kiểm kê tại quỹ khớp với số tiền trên hồ sơ sổ sách

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm
kiểm kê quỹ

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Quyên

Lê Thị Ngọc Hòa

Nguyễn Đình Định

Huỳnh Bảo Quốc

